TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2024/HS-ST
Ngày 13-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền.

Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2024 tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, điểm cầu thành phần: trại tạm giam Công an tỉnh B, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 233/2024/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-HS ngày 30/10/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hứa Văn Đ**, sinh năm 1997 tại Lạng Sơn; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hứa Văn S, sinh năm 1975 và bà Nông Thị T, sinh năm 1973; vợ, con: chưa có; tiền án: Bản án số 49/2022/HS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Hứa Văn Đ 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2023; tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2024 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Giáp Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B ; địa chỉ: Số F đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hứa Văn S, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Trần Quang C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

3. Ông Bùi Anh T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

4. Anh Hứa Ngọc T2, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Vi Văn T3, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

2. Anh Ngô Quốc T4, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tài T5, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, tại đoạn đường D cạnh cổng A Công ty cổ phần C1, ở Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy- Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang Hứa Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, chỗ ở: tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên người. Vật chứng thu giữ: thu tại mặt đường cạnh nơi Đ bị bắt khi bỏ chạy 01 túi ni lon màu trắng do Đ làm rơi, bên trong có: 07 gói giấy bạc màu trắng, trong các gói đều đựng chất cục bột màu trắng; 01 gói quấn bằng khẩu trang, bên trong có 01 gói giấy bạc đựng chất cục bột màu trắng, Đ khai là ma túy Heroine; toàn bộ số vật chứng trên được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT". Ngoài ra Công an còn thu giữ của Đ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, không đeo biển kiểm soát, có số khung RLSDL 11ANNV 164308, số máy CGA 1564261, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, 01 túi vải màu đen, số tiền 300.000 Đ.

Cùng ngày 16/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đ tại phòng trọ số 520 nhà trọ "Mỹ Mừng" ở tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, do anh Nguyễn Tài T5, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên làm chủ. Kết quả khám

xét thu giữ: thu trên mặt giường trong phòng trọ 01 mảnh giấy bạc, hai mặt màu trắng bạc, bên trong chứa chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX" và 02 bơm kiêm tiêm chưa qua sử dụng. Khi khám xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện Hứa Ngọc T2, sinh năm 2002 là người ở cùng quê với Đ cũng vừa đến và đi vào phòng trọ để xin ở trọ cùng phòng với Đ. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra việc sử dụng ma túy của Đ và T2 bằng que test qua nước tiểu, kết quả cả hai dương tính với chất ma túy Mor.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định xác định chất ma túy đối với vật chứng thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT", "KX".

Tại Kết luận giám định số 1101/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng K-Công an tỉnh B, kết luận:

"5.1. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT", được niêm phong gửi giám định:

- Trong 01 (một) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu đỏ: Chất cục bột màu trắng đựng trong 07 (bảy) giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc đều là ma túy, loại Heroine (H), tổng khối lượng 0,494 gam.

- Trong 01 (một) gói bằng chiếc khẩu trang màu trắng được quấn kín: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy bạc là ma túy, loại Heroine (H), khối lượng 5,623 gam.

5.2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "KX", được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói bằng mảnh giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc là ma túy, loại Heroine (H), khối lượng 0,016 gam".

Quá trình điều tra, bị can và người liên quan khai nhận: Đ là đối tượng nghiện ma túy Heroine. Đ thuê phòng trọ số 520 tại nhà trọ "Mỹ Mừng" ở tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để ở và đi xin việc làm. Khoảng đầu tháng 5/2024, Đ đi cùng bạn ngoài xã hội, không nhớ là ai đến huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì có người không biết là ai cho số điện thoại 0868.352.940 để liên lạc khi nào cần mua ma túy. Khoảng ngày 13/5/2024 (không nhớ thời gian cụ thể), Đ dùng điện thoại di động, lắp sim số 0363.480.655 gọi điện đến số điện thoại 0868.352.940 của người bán ma túy hỏi mua "02 chỉ" ma túy Heroine, thì người này Đ ý bán với giá 7.000.000 Đ, yêu cầu chuyển tiền qua tài khoản. Sau đó, Đ đi đến điểm hẹn tại đoạn đoạn đường ở thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, nhờ người khác không nhớ là ai đưa 3.000.000 Đ tiền mặt nhờ chuyển khoản tiền Ngân hàng vào số tài khoản Ngân hàng của người bán ma túy (hiện không nhớ số tài khoản) để mua "02 chỉ" ma túy, còn nợ lại 3.500.000 Đ. Nhận được tiền, người bán ma túy gọi điện chỉ địa điểm để ma túy ở bãi đất trống. Theo chỉ dẫn của người bán ma túy, Đ đã

nhận được "02 chỉ" ma túy Heroine. Số ma túy mua được, Đ đã tự sử dụng cá nhân hết.

Khoảng 12 giờ ngày 16/5/2024, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, không đeo biển kiểm soát đi từ phòng trọ đến thị trấn B, huyện Y để mua ma túy H1 đem về tự sử dụng. Trên đường đi, Đ dùng điện thoại di động Iphone 14 Promax, lắp sim số 0363.480.655 gọi điện đến số điện thoại 0868.352.940 của người đàn ông bán ma túy hỏi mua "02 chỉ" ma túy Heroine thì người này Đ ý bán với giá 5.500.000 Đ, yêu cầu chuyển tiền qua tài khoản và trả nợ số tiền 3.500.000 Đ còn thiếu khi mua ma túy trước đó. Đ đi vào cửa hàng điện thoại di động của anh Trần Quang C, sinh năm 1981, ở thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đưa 9.000.000 Đ tiền mặt cho anh C nhờ chuyển tiền tài khoản Ngân hàng đến số tài khoản Ngân hàng V số 0868352940 mang tên Bùi Anh T1 của người bán ma túy cung cấp, nhưng không nói cho anh C biết là chuyển tiền mua ma túy. Anh C nhận tiền mặt rồi sử dụng tài khoản Ngân hàng V1 số 0009944756333 của anh C chuyển 9.000.000 Đ tiền tài khoản đến số tài khoản Ngân hàng nêu trên của người bán ma túy. Nhận được tiền chuyển khoản, người bán ma túy dùng điện thoại gọi điện thông báo cho Đ đi đến khu vực mua ma túy lần trước để nhận ma túy. Theo chỉ dẫn của người bán ma túy, Đ đi đến cột điện trong bãi đất trống ở ven đường liên xã thuộc tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Y, thấy ở chân cột điện có một vỏ bao thuốc lá. Đ mở vỏ bao thuốc lá, thấy bên trong có 02 gói giấy bạc đựng chất cục bột màu trắng là ma túy Heroin. Đ cất giấu 02 gói ma túy mua được vào trong người rồi điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ. Tại phòng trọ, Đ để nguyên một gói ma túy vào khẩu trang, gói ma túy còn lại chia nhỏ sang 07 gói giấy bạc khác. Phần ma túy còn lại trong gói giấy bạc chia chưa hết Đ bỏ ra sử dụng một phần, phần còn lại vẫn để trong giấy bạc và để tại đầu giường trong phòng trọ. Khoảng 15 giờ ngày 16/5/2024, Đ cất giấu 07 gói giấy bạc đựng ma túy và 01 gói ma túy quấn trong khẩu trang vào túi vải đeo trên người rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, không đeo biển kiểm soát đi xin việc làm, khi nào cần thì bỏ ma túy đem theo ra sử dụng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, Đ điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường D cạnh cổng A Công ty cổ phần C1, ở Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy- Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả, thu giữ toàn bộ số ma túy mang theo. Sau đó, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp phòng ở trọ của Đ đã thu giữ được toàn bộ số ma túy còn lại do Đ cất giấu để tự sử dụng.

Hứa Ngọc T2 khai nhận, sáng ngày 15/5/2024, T2 có đến phòng trọ của Đ rồi mua của Đ 01 gói ma túy Heroine, sau đó mang ra khỏi phòng trọ tự sử dụng hết. Do đó, Công an tiến hành kiểm tra việc sử dụng ma túy thì T2 dương tính với chất ma túy. Bị can Đ không thừa nhận bán ma túy cho T2. Cơ quan điều tra đã cho Đ

và T2 đối chất với nhau nhưng Đ vẫn không thừa nhận bán ma túy. Ngoài lời khai của T2 ra không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứa xử lý Đ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động thu giữ của Đ, tra cứu chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi số điện thoại 0363.480.655, số điện thoại 0868.352.940. Kết quả trong điện thoại và lịch sử cuộc gọi có thông tin liên lạc giữa hai số điện thoại trên vào ngày mua bán ma túy như bị can khai. Số điện thoại 0363.480.655 là của Đ sử dụng, số điện thoại 0868.352.940 đăng ký mang tên chủ thuê bao là Bùi Anh T1, sinh năm 1963, trú tại tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành tra cứu lịch sử giao dịch, thông tin chủ tài khoản Ngân hàng V số 0868352940 xác định được đăng ký mang tên của Bùi Anh T1 có họ tên, địa chỉ nêu trên; trong tài khoản chỉ nhận số tiền chuyển khoản 9.000.000 Đ từ tài khoản Ngân hàng của anh C chuyển đến vào ngày 16/5/2024 như nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, Bùi Anh T1 khẳng định có từng đăng ký sử dụng số điện thoại 0868.352.940 và số tài khoản Ngân hàng V số 0868352940. Khoảng đầu năm 2024, Bùi Anh T1 bị rơi mất điện thoại di động lắp sim điện thoại và cài đặt tài khoản Ngân hàng nêu trên, từ đó anh T1 không sử dụng nữa, hiện không biết ai sử dụng. Bản thân anh T1 không bán ma túy, không biết Đ. Bị can Đ khai không gặp mặt người bán ma túy lần nào, không biết người bán ma túy là ai. Tiến hành xác minh tại địa điểm Đ khai nhận mua ma túy, không xác định được người bán ma túy là ai. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ đề cập xử lý đối với anh T1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, Đ thời tách hành vi của người bán ma túy ra để tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì đề nghị xử lý sau.

Tại cơ quan điều tra, Hứa Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 243/CT-VKS ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hứa Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Hứa Văn Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hứa Văn Đ từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 16/5/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì bằng hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B; 01 túi vải màu đen có quai đeo; 02 bơm kim tiêm.

+ Tịch thu 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 14 Promax imei 359761970564310, imei2: 359761970973248 của Hứa Văn Đ nộp ngân sách nhà nước.

+ Trả lại bị cáo Hứa Văn Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn Đ).

+ Trả lại cho ông Hứa Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki không biển kiểm soát có số khung RLSDL 11ANNV 164308, số máy CGA1564261

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hứa Văn Đ.

Trợ giúp viên pháp lý Giáp Thị H phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Đ: Trợ giúp viên pháp lý hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo Hứa Văn Đ. Về hình phạt chính: mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề xuất tại phiên tòa đối với bị cáo là cao so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội không có mục đích lợi nhuận, tuy bị cáo bị truy tố theo tình tiết định khung tăng nặng ở điểm g khoản 2 Điều 249 nhưng khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ so với khối lượng ma túy ở trong khung hình phạt của khoản này chưa phải là quá lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Bị cáo Đ nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên Giáp Thị H và không có tranh luận bổ sung gì.

Ông Hứa Văn S không có tranh luận gì.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ học vấn nên bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo là người có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý,

bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 6,133 gam. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đại diện Viện kiểm sát thấy mức hình phạt chính đối với bị cáo đã đề nghị tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ. Do vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo, trợ giúp viên pháp lý Giáp Thị H và ông Hứa Văn S không ai có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội Đ xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, tại đoạn đường D cạnh cổng A Công ty cổ phần C1, ở Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy- Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang Hứa Văn Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép trên người tổng cộng 6,117 gam ma túy, loại Heroine; tiếp đó Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đ tại phòng trọ số 520 nhà trọ "Mỹ Mừng" ở tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thu giữ được 0,016 gam ma túy, loại Heroine còn lại do Đ cất giấu. Tổng khối lượng ma túy Đ tàng trữ là 6,133gam, loại Heroine, mục đích để tự sử dụng dần.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vì vậy, Cáo trạng số 243/CT-VKS ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hứa Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Hứa Văn Đ có 01 tiền án, năm 2022 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Hứa Văn Đ 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2023 đến nay chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất cấm, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy và thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo là người nghiện ma túy, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên HĐXX thấy cần không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với Hứa Ngọc T2: Quá trình điều tra T2 khai nhận, sáng ngày 15/5/2024 T2 có đến phòng trọ của Đ rồi mua của Đ 01 gói ma túy Heroine, sau đó mang ra khỏi phòng trọ tự sử dụng hết nên khi Công an tiến hành kiểm tra việc sử dụng ma túy thì T2 dương tính với chất ma túy. Bị cáo Đ không thừa nhận bán ma túy cho T2. Cơ quan điều tra đã cho Đ và T2 đối chất với nhau nhưng Đ vẫn không thừa nhận việc bán ma túy cho T2. Ngoài lời khai của T2 ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứa xử lý Đ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với Bùi Anh T1, sinh năm 1963, trú tại tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là chủ thuê bao số điện thoại 0868.352.940 Đ thời là chủ số tài khoản 0868.352.940 tại ngân hàng V mà Đ đã liên hệ để thực hiện giao dịch mua bán ma túy: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, Bùi Anh T1 khẳng định có từng đăng ký sử dụng số điện thoại 0868.352.940 và số tài khoản Ngân hàng V số 0868352940. Khoảng đầu năm 2024, Bùi Anh T1 bị rơi mất điện thoại di động lắp sim điện thoại và cài đặt tài khoản Ngân hàng nêu trên, từ đó anh T1 không sử dụng nữa, hiện không biết ai sử dụng. Bản thân anh T1 không bán ma túy, không biết Đ. Bị cáo Đ khai không gặp mặt người bán ma túy lần nào, không biết người bán ma túy là ai. Tiến hành xác minh tại địa điểm Đ khai nhận mua ma túy, không xác định được người bán ma túy là ai. Cơ quan điều tra đã cho Đ nhận dạng nhưng Đ không nhận dạng được người bán ma túy cho Đ là ai và không nhận dạng được anh T1. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ đề cập xử lý đối với Bùi Anh T1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và đã tách hành vi của người bán ma túy cho Đ ra để tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì đề nghị xử lý sau là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đới với việc Đ khai mua ma túy ngày 13/5/2024 của người đàn ông không quen biết như nêu trên, Đ khai mua chỉ để sử dụng và đã tự sử dụng hết. Cơ quan điều tra không thu giữ được ma túy của ngày 13/5/2024 nên không có căn cứ đề cập xử lý đối với Đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 13/5/2024 nên HĐXX không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Tài T5: Anh T5 là chủ nhà trọ nơi Đ thuê trọ, anh T5 không biết Đ sử dụng phòng trọ cất giấu, sử dụng ma túy nên anh T5 không vi phạm pháp luật, HĐXX không xem xét.

Đối với anh Trần Quang C: Anh C là người giúp Đ chuyển khoản tiền cho người bán ma túy cho Đ nhưng anh C không biết việc Đ nhờ chuyển tiền tài khoản Ngân hàng là để mua ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy HĐXX không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đ và T2 vào ngày 15/5/2024 và ngày 16/5/2024 tại tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang: Ngày 12/9/2024 Công an thị xã V đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 133/QĐ-XPHC đối với Đ; ngày 20/6/2024 Công an thị xã V đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 89/QĐ-XPHC đối với T2 là đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Hứa Văn S: Quá trình điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, không đeo biển kiểm soát, có số khung RLSDL 11ANNV 164308, số máy CGA1-564261 bị cáo sử dụng để đi mua ma túy là tài sản hợp pháp của ông Hứa Văn S. Ông S cho bị cáo Đ mượn làm phương tiện đi lại, ông S không biết bị cáo dùng phạm tội nên ông S không vi phạm pháp luật. Do vậy HĐXX không xem xét.

7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thấy:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì bằng hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 túi vải màu đen có quai đeo là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 02 bơm kim tiêm thu giữ tại phòng trọ của bị cáo Đ hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu iphone 14 Promax imei 359761970564310, imei2: 359761970973248: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng vào việc liên hệ để mua ma túy về tàng trữ do vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn Đ): Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki không biển kiểm soát có số khung RLSDL 11ANNV 164308, số máy CGA1-564261: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Hứa Văn S – bố đẻ bị cáo. Ông S cho bị cáo mượn để làm phương tiện đi lại, ông S không biết việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông S.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Hứa Văn Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã

có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên HĐXX miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hứa Văn Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) thángtù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 16/5/2024.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- **Tịch thu tiêu hủy:** số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì bằng hình dấu của Phòng K Công an tỉnh B; 01 túi vải màu đen có quai đeo; 02 bơm kim tiêm.

- **Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 14 Promax imei 359761970564310, imei2: 359761970973248.

- **Trả lại bị cáo Hứa Văn Đ:** số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn Đ).

- **Trả lại cho ông Hứa Văn S:** 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki không biển kiểm soát có số khung RLSDL 11ANNV 164308, số máy CGA1564261.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2024 giữa Công an thị xã V với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hứa Văn Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331;Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI Đ XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến **Nguyễn Đức Hiền** **Nguyễn Linh Chi**